

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

## MỤC LỤC

|   | Trang   |
|---|---------|
| 1. Mục lục  | 1       |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc  | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ  | 4 - 5   |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025  | 6 – 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025    | 13 - 40 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cơ khí – Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

| Tên đơn vị  | Địa chỉ   |
|-------------|---|
| Chi nhánh 1 | Số 128 đường Lê Thánh Tông, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ                     |
| Chi nhánh 5 | Lô K đường số 4 khu công nghiệp Liên Chiểu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng |

**Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Cho thuê nhà xưởng; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm            |
|----------------------|----------|---------------------------------------|
| Ông Khiếu Mạnh Tuấn  | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023     |
| Ông Lê Trọng Nghĩa   | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Vũ Anh Đoàn      | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Việt Dũng | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021     |
| Ông Lê Văn Tám       | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2023      |

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm            |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| Ông Trịnh Quốc Khánh  | Trưởng ban | Ngày 26 tháng 6 năm 2024 |
| Bà Đỗ Ngọc Ánh        | Thành viên | Ngày 29 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Ninh Thị Thu Huyền | Thành viên | Ngày 29 tháng 6 năm 2021 |

**Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

| Họ và tên         | Chức vụ        | Ngày bổ nhiệm            |
|-------------------|----------------|--------------------------|
| Ông Lê Văn Tám    | Tổng Giám đốc  | Ngày 7 tháng 7 năm 2023  |
| Ông Phạm Văn Hiện | Kế toán trưởng | Ngày 31 tháng 7 năm 2019 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tám – Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Nhóm Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Lê Văn Tám**

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Số: 2.0551/25/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (Công ty con) và Chi nhánh Long Sơn của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang (Công ty con) không được soát xét do các đơn vị này đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số liệu trên Bảng cân đối kế toán của các đơn vị này được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với tổng tài sản là 34.666.233.685 VND (số đầu năm là 34.666.233.685 VND), nợ phải trả là 49.280.892.375 VND (số đầu năm là 49.300.892.375 VND) và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là (21.772.626.388) VND (số đầu năm là (21.752.626.388) VND (Chi tiết xem thuyết minh I.6a).

Các tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 chưa được phân loại theo công dụng của tài sản (Xem Thuyết minh số V.10). Thời gian khấu hao của các tài sản này đang ước tính là 30 năm mà chưa khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích của từng tài sản. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra kết luận về giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025, khoản mục “Hàng tồn kho” phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, với giá trị ghi sổ là 72.105.355.361 VND. Chúng tôi không thể ước tính được giá trị có thể thu hồi đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình này.



Một số khoản công nợ phải thu (phải thu khách hàng, phải thu khác và ứng trước cho người bán) và công nợ phải trả (phải trả người bán, phải trả khác và người mua trả tiền trước) chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 lần lượt là 115.876.180.688 VND và 132.598.826.867 VND, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 79.394.015.526 VND và 81.005.385.107 VND. Bằng các thủ tục soát xét, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty.

Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày; và chưa ghi nhận lãi chậm thanh toán đối với các khoản nợ phải trả người bán đã quá hạn, căn cứ theo phán quyết của Tòa án. Theo ước tính của kiểm toán viên, nếu Công ty ghi nhận các số liệu trên, các khoản mục trong các báo cáo tài chính sẽ thay đổi như sau: Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ: “Chi phí khác” tăng 1.037.999.944 VND; “Lợi nhuận kế toán trước/sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm (1.037.999.944) VND (Số cùng kỳ năm trước: tăng/(giảm) lần lượt là: 14.647.667.778 VND, 1.053.812.348 VND và 15.701.480.126 VND); Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng 37.263.479.636 VND; “Phải trả ngắn hạn khác” tăng 16.457.102.245 VND; “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm (53.720.581.881) VND (Số đầu năm: tăng/(giảm) lần lượt là 37.766.551.344 VND, 15.419.102.301 VND và (53.185.653.645) VND).

Ngoài các khoản nợ phải trả mà Công ty đã bị đối tác khởi kiện, chúng tôi không thể xác định được tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như số lãi chậm thanh toán mà Công ty sẽ phải trả cho các nhà cung cấp theo tiến độ qui định trong Hợp đồng (nếu có).

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về khoản lỗ thuần 14.611.403.419 VND của Nhóm công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 373.329.173.294 VND, vốn chủ sở hữu âm 235.284.842.489 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 399.484.847.164 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 và VII.5 về việc Công ty đã nhận được thông báo của Tòa án về việc Công ty bị khởi kiện; hoặc Công ty đang là nguyên đơn và là bị đơn trong một số vụ tranh chấp, kiện tụng.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

Người được uỷ quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>428.306.461.644</b> | <b>432.670.095.422</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.276.491.814</b>   | <b>2.415.761.399</b>   |
| 1. Tiền   | 111        |             | 1.276.491.814          | 2.415.761.399          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>463.939.624</b>     | <b>445.190.400</b>     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 463.939.624            | 445.190.400            |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>282.138.157.295</b> | <b>292.089.850.112</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 191.351.860.733        | 202.304.712.160        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 19.927.420.928         | 20.074.620.928         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 2.659.332.458          | 2.659.332.458          |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6a        | 86.299.695.928         | 82.425.056.917         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.7         | (34.877.177.671)       | (32.150.897.270)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | 16.777.024.919         | 16.777.024.919         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>124.196.594.429</b> | <b>117.811.064.678</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 124.196.594.429        | 117.811.064.678        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>20.231.278.482</b>  | <b>19.908.228.833</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.9a        | 456.790.327            | 290.129.652            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 19.774.488.155         | 19.618.099.181         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>220.280.040.606</b> | <b>224.862.964.713</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>48.000.000</b>      | <b>48.000.000</b>      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.6b        | 48.000.000             | 48.000.000             |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>209.606.364.914</b> | <b>214.065.193.065</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.10        | 207.986.364.914        | 212.445.193.065        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 379.693.289.099        | 379.693.289.099        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (171.706.924.185)      | (167.248.096.034)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.11        | 1.620.000.000          | 1.620.000.000          |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 2.175.809.000          | 2.175.809.000          |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (555.809.000)          | (555.809.000)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>781.492.174</b>     | <b>781.492.174</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 781.492.174            | 781.492.174            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>4.144.756.579</b>   | <b>4.144.756.579</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 39.124.823.018         | 39.124.823.018         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2c        | 20.000.000             | 20.000.000             |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2b        | (35.000.066.439)       | (35.000.066.439)       |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>5.699.426.939</b>   | <b>5.823.522.895</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.9b        | 5.471.935.482          | 5.590.976.072          |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.12a       | 227.491.457            | 232.546.823            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>648.586.502.250</b> | <b>657.533.060.135</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>883.871.344.739</b> | <b>878.206.499.205</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>827.791.308.808</b> | <b>816.626.463.274</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13        | 158.298.784.239        | 158.039.330.531        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14        | 56.085.688.260         | 55.509.372.010         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 85.562.313.376         | 86.402.500.355         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 13.296.007.184         | 14.455.476.065         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.16        | 60.508.198.349         | 60.291.052.510         |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17a       | 262.863.535.444        | 252.375.949.847        |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.18a       | 189.335.162.393        | 187.708.162.393        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.19        | 1.841.619.563          | 1.844.619.563          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>56.080.035.931</b>  | <b>61.580.035.931</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.18b       | 56.054.570.853         | 61.554.570.853         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | 25.465.078             | 25.465.078             |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>(235.284.842.489)</b> | <b>(220.673.439.070)</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.20</b> | <b>(235.284.842.489)</b> | <b>(220.673.439.070)</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 83.536.200.000           | 83.536.200.000           |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 83.536.200.000           | 83.536.200.000           |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 11.927.177.227           | 11.927.177.227           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 42.340.512.899           | 42.340.512.899           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | (373.329.173.294)        | (358.926.045.032)        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | (358.926.045.032)        | (358.926.045.032)        |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | (14.403.128.262)         | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 240.440.679              | 448.715.836              |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>648.586.502.250</b>   | <b>657.533.060.135</b>   |

Người lập biểu



Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay          | Năm trước        |
|--|-------|-------------|------------------|------------------|
|  |       |             |                  |                  |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 40.144.580.831   | 25.329.542.907   |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                | -                |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 40.144.580.831   | 25.329.542.907   |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 33.438.583.913   | 19.846.317.889   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 6.705.996.918    | 5.483.225.018    |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    |             | 20.550.338       | 27.379.590       |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.3        | 11.874.439.560   | 12.776.910.963   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 11.874.439.560   | 12.776.910.963   |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                | (36.334.094)     |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    |             | -                | -                |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.4        | 7.839.341.476    | 5.757.001.016    |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | (12.987.233.780) | (13.059.641.465) |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    |             | -                | 13.750.000       |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.5        | 1.619.114.273    | 324.902.297      |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | (1.619.114.273)  | (311.152.297)    |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | (14.606.348.053) | (13.370.793.762) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    |             | -                | -                |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    | V.12a       | 5.055.366        | 5.055.366        |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | (14.611.403.419) | (13.375.849.128) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    | V.20        | (14.403.128.262) | (13.454.292.645) |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    | V.20        | (208.275.157)    | 78.443.517       |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.7        | (1.724)          | (1.611)          |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.7        | (1.724)          | (1.611)          |

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh |                      |                      |
|--|-----------|-------------|----------------------|----------------------|
|  |           |             | Năm nay              | Năm trước            |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                      |                      |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | (14.606.348.053)     | (13.370.793.762)     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                      |                      |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.10        | 4.458.828.151        | 4.446.678.517        |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | VI.4        | 2.726.280.401        | (14.000.000)         |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                    | -                    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |             | (18.749.224)         | 10.343.694           |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.3        | 11.874.439.560       | 12.776.910.963       |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                    | -                    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 4.434.450.835        | 3.849.139.412        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | 7.069.023.442        | 30.214.090.312       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | (6.385.529.751)      | 274.117.494          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | (2.251.932.151)      | (25.084.344.401)     |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | (47.620.085)         | 354.753.053          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                    | -                    |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | (81.661.875)         | (1.449.112.329)      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | -                    | -                    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                    | -                    |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.19        | (3.000.000)          | (3.500.000)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>2.733.730.415</b> | <b>8.155.143.541</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                      |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | -                    | -                    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                    | -                    |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                    | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                    | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                    | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                    | -                    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | -                    | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>-</b>             | <b>-</b>             |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|  |       |             |                 |                 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính  |       |             |                 |                 |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31    |             | -               | -               |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -               | -               |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33    |             | -               | -               |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    | V.18        | (3.873.000.000) | (4.933.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35    |             | -               | -               |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    |             | -               | -               |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   | 40    |             | (3.873.000.000) | (4.933.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ   | 50    |             | (1.139.269.585) | 3.222.143.541   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60    | V.1         | 2.415.761.399   | 2.239.106.568   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | -               | -               |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ   | 70    | V.1         | 1.276.491.814   | 5.461.250.109   |

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Cho thuê nhà xưởng; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện các hợp đồng chế tạo thiết bị thủy công cho các công trình thủy điện nhỏ đã ký trong năm trước và nghiệm thu các hợp đồng này. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các bên giao thầu để quyết toán và đôn đốc thanh toán các hợp đồng thi công lắp đặt thiết bị thủy công của các công trình đã thi công xong, đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng từ rất lâu nhưng chưa được quyết toán và thanh toán như Xekaman 1, Xekaman 3... Do công nợ phải thu khách hàng tồn đọng nhiều nên Công ty gặp khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, nộp thuế, bảo hiểm... dẫn đến chi phí lãi vay, lãi chậm thanh toán rất lớn.

6. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                                    | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính              | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
|  |   |   | Số cuối kỳ    | Số đầu năm | Số cuối kỳ             | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Someco Hà Giang                | Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, tỉnh Hà Giang                             | Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm | 89,87%        | 89,87%     | 89,87%                 | 89,87%     |
| Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco        | Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội | Thiết kế cơ khí                         | 100%          | 100%       | 100%                   | 100%       |
| Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (*) | Số nhà 10 TT33, khu đô thị Văn Phú, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội      | Thí nghiệm và xây lắp                   | 100%          | 100%       | 100%                   | 100%       |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (c) Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước, trong kỳ không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ phát sinh một số nghiệp vụ liên quan đến công nợ với Công ty mẹ. Chi nhánh Long Sơn thuộc Công ty Cổ phần Someco Hà Giang cũng dừng hoạt động từ nhiều năm trước, trong kỳ không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 của các đơn vị này được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

| Chỉ tiêu                          | Mã số      | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-----------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|
| Tài sản ngắn hạn                  | 100        | 34.618.233.685        | 34.818.233.685        |
| Tài sản dài hạn                   | 200        | 48.000.000            | 48.000.000            |
| <b>Tổng cộng tài sản</b>          | <b>270</b> | <b>34.666.233.685</b> | <b>34.866.233.685</b> |
| Nợ phải trả                       | 300        | 49.280.892.375        | 49.300.892.375        |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421        | (21.772.626.388)      | (21.752.626.388)      |

- 6b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Xem thuyết minh V.2b)

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn (nay là Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, tỉnh Lạng Sơn). Hoạt động kinh doanh theo đăng ký của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ quyền biểu quyết (được xác định theo tỷ lệ vốn cam kết) là 24%, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn cam kết. Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 và đã có phán quyết của Tòa án tại Bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 05 tháng 09 năm 2024 (Xem thuyết minh VII.5).

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 126 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm công ty (số đầu năm là 129 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nhóm công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Nhóm công ty nhận ủy thác đầu tư nên không chịu rủi ro.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu năm (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Nhóm công ty chủ yếu bao gồm:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Đối với tài sản cố định hình thành từ dự án thủy điện Nậm Lỵ 1:** Nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá trị quyết toán nhà máy được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thời gian khấu hao là 30 năm.

Các tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình này như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 06       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 - 10       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 08       |

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty bao gồm:

#### **Giá trị thương hiệu Sông Đà**

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### **Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán điện thành phẩm*

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Nhóm công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Số cuối kỳ    | Số đầu năm    |
|---------------------------------|---------------|---------------|
| Tiền mặt                        | 483.485.053   | 4.951.180     |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 793.006.761   | 2.410.810.219 |
| Cộng                            | 1.276.491.814 | 2.415.761.399 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Khoản tiền này được cầm cố để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hồng Hà.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 162.000.000.000 VND tương đương 16.200.000 Cổ phần. Công ty sở hữu 3.912.482 Cổ phần tương ứng 24% vốn điều lệ theo đăng ký và tương ứng 67% vốn thực góp tại ngày 30/6/2025.

|                          | Số cuối kỳ       | Số đầu năm       |
|--------------------------|------------------|------------------|
| Giá gốc                  | 39.124.823.018   | 39.124.823.018   |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | (35.000.066.439) | (35.000.066.439) |
| Cộng                     | 4.124.756.579    | 4.124.756.579    |

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (“Someco 1”) vẫn đang tạm dừng việc đầu tư công trình thủy điện Bắc Giang 1, chưa tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa có doanh thu. Tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Công trình thủy điện Bắc Giang 1 đã được thế chấp cho Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Someco 1 với Ngân hàng. Do Someco 1 vi phạm về thanh toán tiền lãi và không thực hiện các cam kết triển khai thực hiện dự án nên Ngân hàng đã khởi kiện Someco 1 ra Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 đã có hiệu lực thi hành, theo đó, Tòa án buộc Someco 1 phải trả cho Ngân hàng số tiền là 199.193.137.626 VND (bao gồm 129.223.353.276 VND nợ gốc và 69.970.784.350 VND nợ lãi). Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã có Thông báo số 60/TB-THADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc bán đấu giá thành với nội dung: Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai gắn với dự án công trình thủy điện Bắc Giang đã bị cưỡng chế thi hành án và được bán đấu giá thành vào ngày 26 tháng 12 năm 2024 với giá trúng đấu giá là 72.931.528.125 VND. Trong kỳ, Sở tài chính tỉnh Lạng Sơn đã cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 ngày 19 tháng 6 năm 2025, theo đó tên chủ đầu tư mới của dự án là Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hải Lý, Dự án được tái khởi động quý II/2025 và dự kiến hoàn thành, phát điện trong quý IV/2027.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Someco 1, được trích lập căn cứ vào dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Someco 1.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

*Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để thế chấp*

Nhóm công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Someco 1 để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.

*Giá trị hợp lý*

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|  | Số cuối kỳ                    | Số đầu năm                    |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>       | <b><i>125.062.923.651</i></b> | <b><i>133.514.175.966</i></b> |
| Tổng công ty Sông Đà - CTCP                    | 113.347.542.788               | 122.240.002.280               |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến            | 151.704.090                   | 151.704.090                   |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 2                      | 94.063.956                    | 94.063.956                    |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 4                      | 6.182.844                     | 6.182.844                     |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9                      | 130.470.486                   | 130.470.486                   |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10                     | 703.775.379                   | 703.775.379                   |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên   | 2.725.882.302                 | 2.725.882.302                 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He               | 1.818.287.073                 | 1.818.287.073                 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Daklo    | 1.305.180.787                 | 1.305.180.787                 |
| Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1                  | 99.865.504                    | 99.865.504                    |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3                    | 3.375.730.088                 | 2.934.522.911                 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1            | 1.304.238.354                 | 1.304.238.354                 |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>     | <b><i>66.288.937.082</i></b>  | <b><i>68.790.536.194</i></b>  |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>191.351.860.733</b>        | <b>202.304.712.160</b>        |
| Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận | 56.839.682.607                | 42.175.516.228                |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh                 | 7.385.850.000         | 7.385.850.000         |
| Ông Đỗ Văn Lâm                                 | 2.997.545.015         | 2.997.545.015         |
| Các nhà cung cấp khác                          | 9.544.025.913         | 9.691.225.913         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>19.927.420.928</b> | <b>20.074.620.928</b> |
| Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận | 19.927.420.928        | 14.360.118.353        |

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

|   | Số cuối kỳ                  | Số đầu năm                  |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>                    | <b><i>159.332.458</i></b>   | <b><i>159.332.458</i></b>   |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1                         | 159.332.458                 | 159.332.458                 |
| <b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>          | <b><i>2.500.000.000</i></b> | <b><i>2.500.000.000</i></b> |
| Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh | 2.500.000.000               | 2.500.000.000               |
| <b>Cộng</b>   | <b>2.659.332.458</b>        | <b>2.659.332.458</b>        |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 6. Phải thu khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

|  | Số cuối kỳ            |                        | Số đầu năm            |                        |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|  | Giá trị               | Dự phòng               | Giá trị               | Dự phòng               |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>              | <b>1.775.372.241</b>  | <b>-</b>               | <b>1.775.372.241</b>  | <b>-</b>               |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He               | 783.374.850           |                        | 783.374.850           |                        |
| Ông Lê Văn Tám - Tạm ứng                       | 557.000.000           |                        | 557.000.000           |                        |
| Ông Vũ Anh Đoàn - Tạm ứng                      | 60.000.000            |                        | 60.000.000            |                        |
| Ông Đỗ Ngọc Ánh -Tạm ứng                       | 374.997.391           | -                      | 374.997.391           |                        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>    | <b>84.524.323.687</b> | <b>(6.939.988.187)</b> | <b>80.649.684.676</b> | <b>(7.063.677.259)</b> |
| Tạm ứng  | 46.090.710.292        | (254.194.305)          | 42.775.217.114        | (254.194.305)          |
| Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn        | 18.714.323.273        |                        | 19.828.482.646        | -                      |
| Các khoản ký quỹ, ký cược                      | 4.587.505.323         |                        | 4.558.047.241         | -                      |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác               | 15.131.784.799        | (6.685.793.882)        | 13.487.937.675        | (6.809.482.954)        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>86.299.695.928</b> | <b>(6.939.988.187)</b> | <b>82.425.056.917</b> | <b>(7.063.677.259)</b> |
| Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận | 39.109.077.153        |                        | 22.858.380.945        |                        |

##### 6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản đặt cọc vỏ bình ga.

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Các bên liên quan</b>                     | <b>5.321.064.789</b>  | <b>5.321.064.789</b>  |
| Tổng Công ty Sông Đà - Công ty Cổ phần       | 789.815.414           | 789.815.414           |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên | 2.725.882.302         | 2.725.882.302         |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He             | 1.805.367.073         | 1.805.367.073         |
| <b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>           | <b>29.556.112.882</b> | <b>26.829.832.481</b> |
| Các khoản phải thu khách hàng                | 20.116.124.695        | 17.534.349.527        |
| Các khoản phải thu về cho vay                | 2.500.000.000         | 2.500.000.000         |
| Các khoản phải thu khác                      | 6.939.988.187         | 6.795.482.954         |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>34.877.177.671</b> | <b>32.150.897.270</b> |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

|                            | Kỳ này                | Kỳ trước              |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 32.150.897.270        | 30.257.433.906        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 2.726.280.401         | 63.219.350            |
| Hoàn nhập dự phòng         | -                     | (77.219.350)          |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>34.877.177.671</b> | <b>30.243.433.906</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)



#### 8. Hàng tồn kho

|                                      | Số cuối kỳ             |          | Số đầu năm             |          |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                      | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 4.238.654.251          |          | 4.324.298.717          |          |
| Công cụ, dụng cụ                     | 94.964.490             |          | 103.076.315            |          |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 119.862.975.688        |          | 113.383.689.646        |          |
| Công trình thủy điện Xekaman 1       | 30.432.346.808         |          | 30.432.346.808         |          |
| Công trình thủy điện Xekaman 3       | 22.728.899.779         |          | 22.728.899.779         |          |
| Công trình thủy điện Sanxay          | 15.592.666.491         |          | 15.592.666.491         |          |
| Công trình khác                      | 51.109.062.610         |          | 44.629.776.568         |          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>124.196.594.429</b> |          | <b>117.811.064.678</b> |          |

(\*) Hầu hết các công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ bên giao thầu phê duyệt quyết toán.

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                     | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ                     | 277.579.977        | 12.497.954         |
| Chi phí bảo hiểm                    | 17.960.350         | 258.381.698        |
| Chi phí thuê văn phòng              | 135.000.000        |                    |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 26.250.000         | 19.250.000         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>456.790.327</b> | <b>290.129.652</b> |

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

(\*) Là chi phí thuê đất dài hạn lô K, đường 4, KCN Liên Chiêu, Liên Chiêu, Đà Nẵng. Thời hạn thuê từ 02/07/2008 đến 02/07/2048, thời hạn phân bổ còn lại 276 tháng.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

|  | Nhà máy thủy<br>điện Năm Ly 1 | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ quản lý | Cộng                   |
|--|-------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá                               |                               |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                               | 265.804.892.663               | 18.076.084.670            | 64.723.325.627         | 28.715.530.214                     | 2.373.455.925                | 379.693.289.099        |
| Số cuối kỳ                               | <u>265.804.892.663</u>        | <u>18.076.084.670</u>     | <u>64.723.325.627</u>  | <u>28.715.530.214</u>              | <u>2.373.455.925</u>         | <u>379.693.289.099</u> |
| Trong đó:                                |                               |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn<br>sử dụng | -                             | 17.336.964.363            | 64.553.230.720         | 28.715.530.214                     | 2.373.455.925                | 112.979.181.222        |
| Chờ thanh lý                             | -                             | -                         | -                      | -                                  | -                            | -                      |
| Giá trị hao mòn                          |                               |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                               | 53.684.408.431                | 17.915.395.927            | 64.559.305.537         | 28.715.530.214                     | 2.373.455.925                | 167.248.096.034        |
| Khấu hao trong kỳ                        | 4.430.081.545                 | 16.596.972                | 12.149.634             | -                                  | -                            | 4.458.828.151          |
| Số cuối kỳ                               | <u>58.114.489.976</u>         | <u>17.931.992.899</u>     | <u>64.571.455.171</u>  | <u>28.715.530.214</u>              | <u>2.373.455.925</u>         | <u>171.706.924.185</u> |
| Giá trị còn lại                          |                               |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                               | 212.120.484.232               | 160.688.743               | 164.020.090            | -                                  | -                            | 212.445.193.065        |
| Số cuối kỳ                               | <u>207.690.402.687</u>        | <u>144.091.771</u>        | <u>151.870.456</u>     | <u>-</u>                           | <u>-</u>                     | <u>207.986.364.914</u> |
| Trong đó:                                |                               |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Tạm thời chưa sử dụng                    |                               |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Đang chờ thanh lý                        |                               |                           |                        |                                    |                              |                        |

Toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Năm Ly 1 có giá trị còn lại theo sổ sách là 207.690.402.687 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 11. Tài sản cố định vô hình

|  | Quyền sử dụng<br>đất | Nhãn hiệu, tên<br>thương mại | Chương trình<br>phần mềm | Cộng                 |
|--|----------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Nguyên giá   |                      |                              |                          |                      |
| Số đầu năm   | 1.620.000.000        | 500.000.000                  | 55.809.000               | 2.175.809.000        |
| Số cuối kỳ   | <u>1.620.000.000</u> | <u>500.000.000</u>           | <u>55.809.000</u>        | <u>2.175.809.000</u> |
| Trong đó: đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử dụng | -                    | 500.000.000                  | 55.809.000               | 555.809.000          |
| Giá trị hao mòn                                    |                      |                              |                          |                      |
| Số đầu năm   | -                    | 500.000.000                  | 55.809.000               | 555.809.000          |
| Số cuối kỳ   | -                    | <u>500.000.000</u>           | <u>55.809.000</u>        | <u>555.809.000</u>   |
| Giá trị còn lại                                    |                      |                              |                          |                      |
| Số đầu năm   | 1.620.000.000        | -                            | -                        | 1.620.000.000        |
| Số cuối kỳ   | <u>1.620.000.000</u> | -                            | -                        | <u>1.620.000.000</u> |

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

#### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

##### 12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch bán hàng nội bộ. Chi tiết như sau:

|                                 | Năm nay            | Năm trước          |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm                      | 232.546.823        | 242.657.555        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (5.055.366)        | (5.055.366)        |
| Số cuối năm                     | <u>227.491.457</u> | <u>237.602.189</u> |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%

##### 12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Nhóm công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

|                                | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay <sup>(i)</sup> | 90.115.877.205         | 97.656.640.589         |
| Lỗ tính thuế <sup>(ii)</sup>   | 74.647.915.803         | 80.947.119.794         |
| Cộng                           | <u>164.763.793.008</u> | <u>178.603.760.383</u> |

Chi tiết như sau:

|                      | Lỗ tính thuế          | Lãi vay               | Cộng                   |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Năm 2021             | 34.712.742.152        | 14.988.244.612        | 49.700.986.764         |
| Năm 2022             | 4.732.579.803         | 19.919.254.182        | 24.651.833.985         |
| Năm 2023             | 22.426.913.027        | 23.407.336.659        | 45.834.249.686         |
| Năm 2024             | 7.122.178.795         | 21.135.956.341        | 28.258.135.136         |
| 6 tháng đầu năm 2025 | 5.653.502.026         | 10.665.085.411        | 16.318.587.437         |
| Cộng                 | <u>74.647.915.803</u> | <u>90.115.877.205</u> | <u>164.763.793.008</u> |

- (i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>              | <b>24.866.303.749</b>  | <b>25.291.303.749</b>  |
| Tổng công ty Sông Đà - CTCP                    | 1.091.312.235          | 1.516.312.235          |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến            | 2.471.000              | 2.471.000              |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5                      | 1.406.515.445          | 1.406.515.445          |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 6                      | 110.234.772            | 110.234.772            |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10                     | 21.867.375.822         | 21.867.375.822         |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà                 | 657.750                | 657.750                |
| Công ty TNHH điện Xekaman 3                    | 387.736.725            | 387.736.725            |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>          | <b>133.432.480.490</b> | <b>132.748.026.782</b> |
| Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh         | 17.619.976.831         | 17.619.976.831         |
| Công ty Cổ phần Nhật Nam                       | 12.481.877.951         | 12.481.877.951         |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam                | 17.149.544.884         | 17.149.544.884         |
| Các nhà cung cấp khác                          | 86.181.080.824         | 85.496.627.116         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>158.298.784.239</b> | <b>158.039.330.531</b> |
| Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận | 98.977.292.914         | 57.932.232.996         |
| Số đã quá hạn chưa thanh toán <sup>(*)</sup>   | 48.384.024.670         | 49.092.535.641         |

(\*) Xem thêm thuyết minh số VII.5 – Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng.

#### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Trả trước của các bên liên quan</b>         | <b>35.206.162.341</b> | <b>35.206.162.341</b> |
| Tổng công ty Sông Đà - CTCP                    | 29.153.041.279        | 29.153.041.279        |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He               | 200.000.000           | 200.000.000           |
| Công ty TNHH điện Xekaman 3                    | 383.500.000           | 383.500.000           |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1            | 5.469.621.062         | 5.469.621.062         |
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b>       | <b>20.879.525.919</b> | <b>20.303.209.669</b> |
| B. Fouress Private Limited (BFL)               | 6.572.565.715         | 5.690.249.465         |
| Các khách hàng khác                            | 14.306.960.204        | 14.612.960.204        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>56.085.688.260</b> | <b>55.509.372.010</b> |
| Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận | 31.551.293.179        | 20.315.470.496        |

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm            | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ            |
|--|-----------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 48.248.556.892        | 2.085.428.101        | (3.712.760.584)         | 46.621.224.409        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 9.937.010.436         | -                    | -                       | 9.937.010.436         |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 1.589.392.091         | 104.689.006          | (3.550.336)             | 1.690.530.761         |
| Thuế tài nguyên                        | 382.148.744           | 515.693.546          | (395.912.199)           | 501.930.091           |
| Tiền thuê đất                          | 258.260.324           | -                    | -                       | 258.260.324           |
| Thuế bảo vệ môi trường                 | -                     | 199.992.098          | (199.992.060)           | 38                    |
| Các loại thuế khác                     | 238.854.677           | -                    | -                       | 238.854.677           |
| Lệ phí môn bài                         | -                     | 10.000.000           | (10.000.000)            | -                     |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 25.748.277.191        | 609.127.895          | (42.902.446)            | 26.314.502.640        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>86.402.500.355</b> | <b>3.524.930.646</b> | <b>(4.365.117.625)</b>  | <b>85.562.313.376</b> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian ưu đãi thuế là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhóm công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Nhóm công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm theo các mức lần lượt là 2.006,79 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 8/11/2023 theo quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 8/11/2023 của Bộ Công thương) và 2.103,1159 đ/Kwh (áp dụng từ 11/10/2024 theo quyết định số 2699/QĐ-BCT ngày 11/10/2024 của Bộ Công thương) với thuế suất là 5%.

Phí môi trường rừng

Công ty phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND/KWh

Các loại thuế khác

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thông tin khác

Đến ngày 30/6/2025, Công ty mẹ vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế đã kê khai với cơ quan thuế đối với các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và các khoản chậm nộp thuế. Công ty mẹ vẫn đang bị cưỡng chế hoá đơn.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn khác

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                  | <b>211.664.128</b>    | -                     |
| Tổng Công ty Sông Đà - CTCP                        | 211.664.128           |                       |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>        | <b>60.296.534.221</b> | <b>60.291.052.510</b> |
| Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - Tiền thi công | 3.806.376.112         | 3.806.376.112         |
| Chi phí dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly             | 31.285.528.215        | 31.285.528.215        |
| Chi phí quản lý trích trước                        | 3.209.991.248         | 2.970.826.040         |
| Trong đó:  |                       |                       |
| Tiền thuê đất                                      | 2.514.991.248         | 2.095.826.040         |
| Chi phí thuê văn phòng                             | 625.000.000           | 625.000.000           |
| Chi phí khác                                       | 70.000.000            | 250.000.000           |
| Chi phí công trình trích trước                     | 21.994.638.646        | 22.228.322.143        |
| <b>Cộng</b>  | <b>60.508.198.349</b> | <b>60.291.052.510</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

##### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

|  | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                    | <i>18.972.812.939</i>  | <i>18.972.812.939</i>  |
| Tổng công ty Sông Đà - CTCP                          | 18.968.312.939         | 18.968.312.939         |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1                  | 4.500.000              | 4.500.000              |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>           | <i>243.890.722.505</i> | <i>233.403.136.908</i> |
| Lãi vay phải trả                                     | 195.636.079.103        | 183.843.301.418        |
| Kinh phí công đoàn                                   | 2.576.217.497          | 2.541.968.997          |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 27.089.186.085         | 31.939.798.995         |
| Cổ tức phải trả                                      | 2.565.290.160          | 2.565.290.160          |
| Nhận ủy thác đầu tư                                  | 20.000.000             | 20.000.000             |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 15.908.783.234         | 12.492.777.338         |
| <b>Cộng</b>  | <b>262.863.535.444</b> | <b>252.375.949.847</b> |
| Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận       | 2.070.240.774          | 2.757.681.615          |

##### 17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

|  | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--|------------------------|------------------------|
| Lãi vay phải trả                                     | 195.636.079.103        | 183.843.301.418        |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 27.089.186.085         | 31.939.798.995         |
| Cổ tức phải trả                                      | 2.565.290.160          | 2.565.290.160          |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 7.177.369.255          | 6.875.969.816          |
| <b>Cộng</b>  | <b>232.467.924.603</b> | <b>225.224.360.389</b> |

#### 18. Vay

##### 18a. Vay ngắn hạn

|   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>   | <i>175.799.821.316</i> | <i>176.107.821.316</i> |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình <sup>(i)</sup>  | 150.585.910.986        | 150.843.910.986        |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà <sup>(ii)</sup> | 25.213.910.330         | 25.263.910.330         |
| <i>Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(iii)</sup></i>                                  | <i>250.341.077</i>     | <i>600.341.077</i>     |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>                         | <i>13.285.000.000</i>  | <i>11.000.000.000</i>  |
| <b>Cộng</b>   | <b>189.335.162.393</b> | <b>187.708.162.393</b> |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 01/2018/645305/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2018, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng khế ước cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1a).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng hạn mức tín dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 9 tháng, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, mệnh giá là 39.124.820.000 VND. Ngoài ra, Công ty còn dùng một số phương tiện vận tải của Công ty và của bên thứ ba để thế chấp cho các khoản vay và bảo lãnh tại Ngân hàng (xem thuyết minh VII.1a).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

|                          | Số đầu năm             | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ             |
|--------------------------|------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | 176.107.821.316        | -                               | (308.000.000)               | 175.799.821.316        |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 600.341.077            | -                               | (350.000.000)               | 250.341.077            |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 11.000.000.000         | 5.500.000.000                   | (3.215.000.000)             | 13.285.000.000         |
| <b>Cộng</b>              | <b>187.708.162.393</b> | <b>5.500.000.000</b>            | <b>(3.873.000.000)</b>      | <b>189.335.162.393</b> |

#### 18b. Vay dài hạn

Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000.USD, thời hạn vay là 252 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                                    | Kỳ này                | Kỳ trước              |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                         | 61.554.570.853        | 72.554.570.853        |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (5.500.000.000)       | (5.500.000.000)       |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>56.054.570.853</b> | <b>67.054.570.853</b> |

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 13.285.000.000        | 11.000.000.000        |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 44.000.000.000        | 44.000.000.000        |
| Trên 5 năm           | 12.054.570.853        | 17.554.570.853        |
| <b>Cộng</b>          | <b>69.339.570.853</b> | <b>72.554.570.853</b> |

#### 18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Toàn bộ số tiền vay ngắn hạn Ngân hàng đều đã quá hạn thanh toán.

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                 | Số đầu năm           | Chi quỹ trong kỳ   | Số cuối kỳ           |
|-----------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 218.880.284          | (3.000.000)        | 215.880.284          |
| Quỹ phúc lợi    | 1.625.739.279        |                    | 1.625.739.279        |
| <b>Cộng</b>     | <b>1.844.619.563</b> | <b>(3.000.000)</b> | <b>1.841.619.563</b> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| 20. Vốn chủ sở hữu                               |                        |                      |                       |                                   |                                 |
|--|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu |                        |                      |                       |                                   |                                 |
|  | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát |
| Kỳ trước   |                        |                      |                       |                                   | Cộng                            |
| Số dư đầu năm trước                              | 83.536.200.000         | 11.927.177.227       | 42.340.512.899        | (287.997.411.823)                 | 387.673.630                     |
| Lợi nhuận trong kỳ trước                         | -                      | -                    | -                     | (13.454.292.645)                  | 78.443.517                      |
| Số dư cuối kỳ trước                              | 83.536.200.000         | 11.927.177.227       | 42.340.512.899        | (301.451.704.468)                 | 466.117.147                     |
|  |                        |                      |                       |                                   | (163.181.697.195)               |
| Kỳ này   |                        |                      |                       |                                   |                                 |
| Số dư đầu năm nay                                | 83.536.200.000         | 11.927.177.227       | 42.340.512.899        | (358.926.045.032)                 | 448.715.836                     |
| Lợi nhuận trong kỳ này                           | -                      | -                    | -                     | (14.403.128.262)                  | (208.275.157)                   |
| Số dư cuối kỳ này                                | 83.536.200.000         | 11.927.177.227       | 42.340.512.899        | (373.329.173.294)                 | 240.440.679                     |
|  |                        |                      |                       |                                   | (235.284.842.489)               |
| 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu             |                        |                      |                       |                                   |                                 |
|  |                        | Số cuối kỳ           | Số đầu năm            |                                   |                                 |
| Tổng Công ty Sông Đà - CTCP                      | 38.556.000.000         |                      | 38.556.000.000        |                                   |                                 |
| Các cổ đông khác                                 | 44.980.200.000         |                      | 44.980.200.000        |                                   |                                 |
| Thặng dư vốn cổ phần                             | 11.927.177.227         |                      | 11.927.177.227        |                                   |                                 |
| Cộng   | 95.463.377.227         |                      | 95.463.377.227        |                                   |                                 |

| 20c. Cổ phiếu                                 |            |
|---|------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | Số cuối kỳ |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành      | Số đầu năm |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành     |            |
|   | 8.353.620  |
|   | 8.353.620  |
|   | 8.353.620  |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 110,75 USD (số đầu năm là 111,58 USD)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                | Năm nay                           | Năm trước             |
| Doanh thu hợp đồng xây lắp     | 31.095.110.982                    | 13.154.860.876        |
| Doanh thu bán điện thương phẩm | 7.970.560.758                     | 11.904.682.031        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ     | 1.078.909.091                     | 270.000.000           |
| <b>Cộng</b>                    | <b>40.144.580.831</b>             | <b>25.329.542.907</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                 | Năm nay                           | Năm trước             |
| Giá vốn hợp đồng xây lắp        | 27.092.529.002                    | 13.470.053.348        |
| Giá vốn bán điện thương phẩm    | 5.545.319.057                     | 6.126.871.895         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 800.735.854                       | 249.392.646           |
| <b>Cộng</b>                     | <b>33.438.583.913</b>             | <b>19.846.317.889</b> |

### 3. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-----------------------------------|----------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên                          | 3.115.865.309                     | 3.738.481.111        |
| Chi phí vật liệu quản lý                       | 220.748.852                       | 286.949.867          |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                      | 27.239.273                        | 71.596.364           |
| Thuế, phí và lệ phí                            | 10.000.000                        | 11.500.000           |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | 2.726.280.401                     | (14.000.000)         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài khác                 | 1.003.726.973                     | 675.050.126          |
| Các chi phí khác                               | 735.480.668                       | 987.423.548          |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>7.839.341.476</b>              | <b>5.757.001.016</b> |

### 5. Chi phí khác

|                              | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                              | Năm nay                           | Năm trước          |
| Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội | 119.295.930                       | 299.501.470        |
| Tiền chậm nộp thuế           | 612.627.895                       | 15.400.827         |
| Phạt vi phạm hành chính      | -                                 | 10.000.000         |
| Lãi chậm thanh toán          | 803.632.266                       |                    |
| Chi phí khác                 | 83.558.182                        |                    |
| <b>Cộng</b>                  | <b>1.619.114.273</b>              | <b>324.902.297</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 6.830.306.637                     | 4.854.279.440         |
| Chi phí nhân công                | 10.010.065.362                    | 10.456.235.566        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.458.828.151                     | 4.446.678.517         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 23.088.303.791                    | 4.132.087.078         |
| Chi phí khác                     | 3.734.008.261                     | 1.390.379.184         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>48.121.512.202</b>             | <b>25.279.659.785</b> |

#### 7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

##### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|  | Kỳ này           | Kỳ trước         |
|--|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ    | (14.403.128.262) | (13.454.292.645) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                           | (14.403.128.262) | (13.454.292.645) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 8.353.620        | 8.353.620        |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                   | <b>(1.724)</b>   | <b>(1.611)</b>   |

##### 7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

- ✓ Công ty đã nhận được Công văn số 340/CV/2024 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam thông báo về việc đã nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội) liên quan đến số công nợ mà Công ty chưa thanh toán theo các Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên. Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội liên quan đến vụ kiện này. Trong trường hợp bị thua kiện, Công ty có thể phải thanh toán số tiền lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam khoảng 11.893.168.906 VND.
- ✓ Công ty cũng đã nhận được Đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mà đại diện ủy quyền là Chi nhánh Hồng Hà (Agribank Chi nhánh Hồng Hà) ngày 07 tháng 12 năm 2023 gửi Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội), yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank Chi nhánh Hồng Hà toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 08 tháng 11 năm 2023 là 36.576.016.850 VND. Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội liên quan đến vụ kiện này. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã phản ánh đầy đủ nghĩa vụ nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Trong kỳ, Nhóm công ty không phát sinh giao dịch về tạm ứng/ hoàn tạm ứng của các thành viên Ban điều hành (cùng kỳ năm trước là 140.000.000 VND)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

#### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản cố định là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Ông Vũ Anh Đoàn dùng tài sản là xe ô tô Toyota Camry thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hồng Hà (Xem thuyết minh số V.19)

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                       |   | Tiền lương         | Thù lao           | Cộng thu nhập      |
|-----------------------|---|--------------------|-------------------|--------------------|
| <b>Kỳ này</b>         |   |                    |                   |                    |
| Ông Khiếu Mạnh Tuấn   | Chủ tịch HĐQT                                 | 169.235.113        | -                 | 169.235.113        |
| Ông Lê Văn Tám        | Ủy viên HĐQT/<br>Tổng Giám đốc                | 133.827.581        | 13.745.455        | 147.573.036        |
| Ông Lê Trọng Nghĩa    | Ủy viên HĐQT                                  | -                  | 13.745.455        | 13.745.455         |
| Ông Nguyễn Việt Dũng  | Ủy viên HĐQT                                  | -                  | 13.745.455        | 13.745.455         |
| Ông Vũ Anh Đoàn       | Ủy viên HĐQT                                  | 137.214.000        | 13.745.455        | 150.959.455        |
| Ông Trịnh Quốc Khánh  | Trưởng Ban Kiểm soát                          | -                  | 13.745.455        | 13.745.455         |
| Bà Ninh Thị Thu Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát                      | 86.984.324         | 9.309.092         | 96.293.416         |
| Ông Đỗ Ngọc Ánh       | Thành viên Ban Kiểm soát                      | 122.104.000        | 9.309.092         | 131.413.092        |
| Ông Phạm Văn Hiện     | Kế toán trưởng                                | 95.348.942         | -                 | 95.348.942         |
| <b>Cộng</b>           |   | <b>744.713.960</b> | <b>87.345.459</b> | <b>832.059.419</b> |
| <b>Kỳ trước</b>       |   |                    |                   |                    |
| Ông Khiếu Mạnh Tuấn   | Chủ tịch HĐQT                                 | 72.546.069         | -                 | 72.546.069         |
| Ông Lê Văn Tám        | Ủy viên HĐQT/<br>Tổng Giám đốc                | 136.336.670        | 8.981.818         | 145.318.488        |
| Ông Lê Trọng Nghĩa    | Ủy viên HĐQT                                  | -                  | 8.981.818         | 8.981.818          |
| Ông Nguyễn Việt Dũng  | Ủy viên HĐQT                                  | -                  | 8.981.818         | 8.981.818          |
| Ông Vũ Anh Đoàn       | Ủy viên HĐQT                                  | 133.128.000        | 8.981.818         | 142.109.818        |
| Ông Nguyễn Đình Thiện | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 26/04/2024)    | 64.350.445         | -                 | 64.350.445         |
| Ông Vũ Trọng Hoàng    | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 14/05/2024)    | 83.470.248         | -                 | 83.470.248         |
| Ông Trịnh Quốc Khánh  | Trưởng Ban Kiểm soát<br>(từ ngày 03/07/2024)  | -                  | -                 | -                  |
| Ông Lý Nam Ninh       | Trưởng Ban Kiểm soát<br>(đến ngày 26/06/2024) | 40.337.108         | -                 | 40.337.108         |
| Bà Ninh Thị Thu Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát                      | 85.750.418         | 6.736.364         | 92.486.782         |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                   |                          | Tiền lương         | Thù lao           | Cộng thu nhập      |
|-------------------|--------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| Ông Đỗ Ngọc Ánh   | Thành viên Ban Kiểm soát | -                  | 6.736.364         | 6.736.364          |
| Ông Phạm Văn Hiện | Kế toán trưởng           | 216.258.036        | -                 | 216.258.036        |
| <b>Cộng</b>       |                          | <b>832.176.995</b> | <b>49.400.000</b> | <b>881.576.995</b> |

### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Nhóm công ty gồm:

| Bên liên quan khác  | Mối quan hệ                                 |
|---|---|
| Tổng công ty Sông Đà - CTCP   | Cổ đông lớn                                 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1                                 | Công ty liên kết                            |
| Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP | Bên liên quan của Cổ đông lớn               |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 19  | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hacotec Group                                | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần May Thanh Trì                                       | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt                                 | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V6a, V.13, V.14 và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. *Thông tin về bộ phận*

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp.

#### 3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Xây dựng, gia công, lắp đặt công trình cơ khí thủy công.
- Lĩnh vực Thủy điện: sản xuất và kinh doanh thủy điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

|  | Lĩnh vực<br>Xây lắp   | Lĩnh vực<br>Thủy điện | Cộng                  |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Kỳ này</b>  |                       |                       |                       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài     | 32.174.020.073        | 7.970.560.758         | 40.144.580.831        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận |                       |                       | -                     |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>      | <b>32.174.020.073</b> | <b>7.970.560.758</b>  | <b>40.144.580.831</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                  |                       |                       | 6.705.996.918         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                     |                       |                       | (7.839.341.476)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                |                       |                       | (1.133.344.558)       |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                    |                       |                       | 20.550.338            |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | Lĩnh vực<br>Xây lắp | Lĩnh vực<br>Thủy điện | Cộng                    |
|--|---------------------|-----------------------|-------------------------|
| Chi phí tài chính  |                     |                       | (11.874.439.560)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                      |                     |                       | -                       |
| Thu nhập khác  |                     |                       | -                       |
| Chi phí khác   |                     |                       | (1.619.114.273)         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                             |                     |                       | -                       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                              |                     |                       | (5.055.366)             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                          |                     |                       | <b>(14.611.403.419)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b> | -                   | -                     | -                       |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CPTT dài hạn</b>                     | <b>119.040.590</b>  | <b>4.471.955.346</b>  | <b>4.590.995.936</b>    |

|  | Lĩnh vực<br>Xây lắp   | Lĩnh vực<br>Thủy điện | Cộng                    |
|--|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
| <b>Kỳ trước</b>  |                       |                       |                         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài             | 13.424.860.876        | 11.904.682.031        | 25.329.542.907          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận         |                       |                       | -                       |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>              | <b>13.424.860.876</b> | <b>11.904.682.031</b> | <b>25.329.542.907</b>   |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận  |                       |                       | 5.483.225.018           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   |                       |                       | (5.757.001.016)         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh  |                       |                       | (273.775.998)           |
| Doanh thu hoạt động tài chính  |                       |                       | 27.379.590              |
| Chi phí tài chính  |                       |                       | (12.776.910.963)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                      |                       |                       | (36.334.094)            |
| Thu nhập khác  |                       |                       | 13.750.000              |
| Chi phí khác   |                       |                       | (324.902.297)           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                             |                       |                       | -                       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                              |                       |                       | (5.055.366)             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                          |                       |                       | <b>(13.375.849.128)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b> | -                     | -                     | -                       |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CPTT dài hạn</b>                     | <b>119.040.590</b>    | <b>4.446.678.517</b>  | <b>4.565.719.107</b>    |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

| Số cuối năm                            | Lĩnh vực Xây lắp | Lĩnh vực Thủy điện | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|--|------------------|--------------------|--------------------|------------------------|
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 527.894.480.765  | 226.328.631.130    | (105.636.609.645)  | 648.586.502.250        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                  |                    |                    |                        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                  |                    |                    | <b>648.586.502.250</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 762.544.285.519  | 223.906.120.198    | (102.579.060.978)  | 883.871.344.739        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                  |                    |                    |                        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                  |                    |                    | <b>883.871.344.739</b> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm

|                               |                 |                 |                   |                 |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 534.756.321.395 | 229.784.863.054 | (107.008.124.314) | 657.533.060.135 |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

657.533.060.135

|                                   |                 |                 |                   |                 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 754.982.776.424 | 225.305.423.775 | (102.081.700.994) | 878.206.499.205 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

878.206.499.205

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm công ty tiếp tục lỗ 14.611.403.419 VND, số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 373.329.173.294 VND và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 399.484.847.164 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty. Tuy nhiên, Nhóm công ty vẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giả thiết hoạt động kinh doanh liên tục vì các lý do sau:

- Công ty mẹ vẫn đang tích cực làm việc với các bên giao thầu để quyết toán công trình, thu hồi công nợ. Một số hợp đồng mới vẫn được ký kết. Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới.
- Công ty Cổ phần Someco Hà Giang: Hoạt động của Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 đang dần ổn định, dòng tiền từ kinh doanh thủy điện có thể chi trả được các khoản nợ đến hạn.

5. Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng

5a. Các vụ kiện do Công ty là nguyên đơn

✓ Vụ kiện liên quan đến thu hồi đất tại Chi nhánh 1:

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, UBND tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 1357/QĐ-UBND (“Quyết định 1357”) về việc thu hồi diện tích 61.372,8 m<sup>2</sup> đất do Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (Chi nhánh 1) quản lý sử dụng do vi phạm pháp luật về đất đai, giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý và thực hiện đấu giá đối với diện tích đất này. Công ty đã có các văn bản khiếu nại lần 1 gửi UBND tỉnh Hòa Bình ngày 27 tháng 9 năm 2022, và khiếu nại lần 2 gửi Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 08 tháng 02 năm 2023 để đề nghị thu hồi, và/hoặc hủy bỏ Quyết định số 1357. Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Bộ Tài nguyên Môi trường đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-BTNMT về việc tiếp tục công nhận Quyết định 1357 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi đất của Công ty. Công ty đã nộp đơn khởi kiện UBND tỉnh Hòa Bình ngày 27 tháng 9 năm 2024 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án. Tòa án Nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa vào ngày 12 tháng 05 năm 2025. Ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tòa án Nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Bản án Sơ thẩm số 08/2025/HC-ST, theo đó Tòa đã bác yêu cầu khởi kiện của Công ty “về việc: Buộc UBND tỉnh Hòa Bình thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022”. Cũng theo bản án này, Công ty được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngày 10 tháng 07 năm 2025, Công ty đã có đơn kháng cáo gửi Tòa án Nhân dân tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án Nhân dân tỉnh Phú Thọ). Ngày 18 tháng 07 năm 2025, Tòa án Nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có thông báo số 270/TB-TA về việc tiếp nhận hồ sơ kháng cáo của công ty và xem xét chuyển vụ án sang xét xử phúc thẩm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### ✓ **Vụ kiện liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1:**

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Công ty đã có đơn khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (“Someco1”/Công ty liên kết), gửi Tòa án Nhân dân tỉnh Lạng Sơn (“Toà án”) với những nội dung sau:

- (i) Xác định và tuyên bố số vốn điều lệ của Someco 1 là 58.385.947.018 VND (Số vốn điều lệ của Someco 1 theo đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 23 tháng 8 năm 2017 là 162.000.000.000 VND).
- (ii) Xác định và tuyên bố số vốn của Công ty đã góp vào Someco 1 là 39.124.823.018 VND.
- (iii) Buộc Someco 1 phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để đăng ký giảm vốn điều lệ đúng bằng với số vốn thực góp là 58.435.259.018 VND.
- (iv) Buộc Someco 1 phải chịu các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án này.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, Công ty đã xin rút yêu cầu số (iii) về việc buộc Someco 1 phải thực hiện thủ tục giảm vốn điều lệ bằng vốn thực góp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, Tòa án đã xét xử và ban hành Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST, tuyên bố: Số vốn các cổ đông đã góp vào Someco 1 tính đến thời điểm ngày 08/05/2024 là 58.435.259.018 VND; Số vốn Công ty đã góp vào Someco 1 từ ngày 02/11/2007 đến ngày 28/05/2024 là 39.124.823.018 VND. Bản án này chưa có hiệu lực do ngày 23/9/2024, Tòa án nhận được Đơn kháng cáo của Someco 1, theo đó, Someco 1 kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm đã nêu.

### 5b. Các vụ kiện mà Công ty là bị đơn

- ✓ **Các vụ kiện đã có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội** (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội) (Gồm các nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đông Dương (nay là Công ty Cổ phần PT Đông Dương), Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thái Dương, Công ty Cổ phần Nhật Nam, Viện Nghiên cứu cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh): Số dư nợ gốc còn phải trả các nhà cung cấp này tại thời điểm ký Biên bản hòa giải là 27.056.167.876 VND; Số lãi chậm trả theo thỏa thuận là 3.722.000.000 VND; Số dư nợ gốc còn phải trả đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 20.716.271.377 VND.

Công ty chưa thanh toán cho các nhà cung cấp theo đúng tiến độ trong Biên bản hòa giải, cũng chưa ước tính lãi chậm trả từ thời điểm ký Biên bản thỏa thuận. Công ty đã nhận được quyết định thi hành án theo yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Hà Nội) đối với khoản nợ phải trả Viện Nghiên cứu Cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh nhưng chưa áp dụng biện pháp thi hành án.

- ✓ **Vụ kiện đã có Phán quyết Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam** (nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng): Theo phán quyết, Công ty phải thanh toán cho nguyên đơn tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng từ tháng 8 năm 2009 đến hết tháng 9 năm 2015 đối với diện tích đất thuê tại KCN Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (nay là KCN Liên Chiểu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng), số tiền là 615.215.032 VND và tiền lãi chậm trả tính đến hết tháng 7 năm 2019 là 424.921.392 VND. Theo Quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội ngày 26 tháng 9 năm 2024, Công ty phải thanh toán tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tiền lãi chậm trả và tiền án phí với tổng số tiền là 1.132.040.424 VND.

Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã áp dụng các biện pháp thi hành án đối với Công ty theo Quyết định số 01/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc phong tỏa tài khoản, tài sản của Công ty tại Ngân hàng, số tiền 1.643.489.041 VND và các quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, số tiền đã chuyển vào Tài khoản của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để thi hành án là 382.257.543 VND. Trong



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

kỳ, Công ty đã có thỏa thuận thi hành án với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng, Cục THADS thành phố Hà Nội. Theo thỏa thuận được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, Công ty phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng tổng số tiền là 1.128.449.755 VND, bao gồm các khoản tiền sau: tiền nợ CSHT còn phải thanh toán: 232.903.489 VND, tiền lãi Cơ sở hạ tầng theo phán quyết số 53/19 ngày 27/03/2020: 424.921.392 VND, phí trọng tài: 91.914.000 VND, Tiền lãi từ ngày phán quyết đến ngày 06/03/2025: 378.710.874. Công ty đã thực hiện thanh toán toàn bộ các khoản nêu trên vào ngày 28/03/2025. Ngày 26 tháng 03 năm 2025, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 237/QĐ-CTHADS về việc thu hồi Quyết định thi hành án số 01/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 10 năm 2024 và chấm dứt việc phong tỏa tài khoản, tài sản của Công ty.

### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám